ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 644 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2944/TTr-SNV ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho **102** ông, bà *(có danh sách kèm theo)* là thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương.

Tổng số tiền: **255.000.000** đồng *(Hai trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn).*

Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Hội Cựu TNXP Thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch: Nguyễn Văn Sửu, Ngô Văn Quý, Nguyễn Doãn Toàn;
- VP UB: PCVP Phạm Chí Công, Nguyễn Ngọc Kỳ, NC, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT.

(130)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BẢNG TỔNG HỢP

THANH NIÊN XUNG PHONG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của UBND thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	UBND QUẬN, HUYỆN,THỊ XÃ	SỐ NGƯỜI	SỐ TIỀN (VNĐ)	Ghi chú
1	**Ba Đình**	**4**	**10.000.000**	
2	**Phú Xuyên**	**30**	**75.000.000**	
3	**Hoàn Kiếm**	**15**	**37.500.000**	
4	**Hai Bà Trưng**	**12**	**30.000.000**	
5	**Hoài Đức**	**5**	**12.500.000**	
6	**Đống Đa**	**2**	**5.000.000**	
7	**Mê Linh**	**1**	**2.500.000**	
8	**Tây Hồ**	**9**	**22.500.000**	
9	**Thanh Xuân**	**1**	**2.500.000**	
10	**Quốc Oai**	**3**	**7.500.000**	
11	**Thanh Oai**	**3**	**7.500.000**	
12	**Mỹ Đức**	**4**	**10.000.000**	
13	**Thường Tín**	**5**	**12.500.000**	
14	**Đan Phượng**	**2**	**5.000.000**	
15	**Gia Lâm**	**6**	**15.000.000**	
Tổng số:		**102**	**255.000.000**	
Bằng chữ:	***Số người:***	***Một trăm linh hai người***		
	Số tiền:	***Hai trăm năm mươi năm triệu đồng chẵn***		

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN BA ĐÌNH
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Trần Thị Bình		1952	Giảng Võ - Ba Đình	Giảng Võ - Ba Đình	20/10/1970	12/1974	TNXP Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Vũ Thị Lụa		1947	Nam Trực - Nam Định	Kim Mã - Ba Đình	9/1964	8/1968	CT13C	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Lư Tuyết Quỳnh		1951	Liễu Giai - Ba Đình	Liễu Giai - Ba Đình	20/10/1970	12/1975	TNXP Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Đoàn Bá Tân	1940		Thành Công - Ba Đình	Thành Công - Ba Đình	17/7/1971	26/02/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: *Mười triệu đồng chẵn*											**10.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN PHÚ XUYÊN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Thị Tâm		1949	Xã Phú Túc	Xã Phú Túc	15/02/1967	30/12/1968	CT 12 Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Nguyễn Thị Canh		1951	Xã Phú Túc	Xã Phú Túc	01/01/1971	01/06/1974	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Chu Văn Tiền	1939		Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	26/06/1971	26/06/1973	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Nguyễn Văn Đoạt	1952		Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	26/06/1971	26/06/1973	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Bùi Ngọc Hà	1952		Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	26/06/1971	26/06/1973	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
6	Vũ Thị Tân		1952	Thị trấn Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	01/02/1972	01/11/1973	CT 12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
7	Hà Thị Hưng		1950	Thị trấn Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	01/02/1972	01/02/1974	CT12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
8	Vũ Thị Thành		1952	Thị trấn Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	01/02/1972	01/02/1974	CT12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
9	Vũ Thị Báu		1950	Thị trấn Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	01/02/1972	30/12/1973	CT12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
10	Nguyễn Thị Hơn		1955	Thị trấn Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	15/02/1972	30/12/1974	C3225 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
11	Nguyễn Thị Huệ		1948	Xã Vân Từ	Xã Vân Từ	10/05/1967	30/12/1968	CT20 Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
12	Nguyễn Thị Lạng		1948	Xã Vân Từ	Xã Vân Từ	15/03/1965	30/12/1967	CT 20 Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
13	Hoàng Thị Cúc		1951	Xã Vân Từ	Xã Vân Từ	11/01/1970	12/12/1972	CT 12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
14	Vũ Minh Cân	1937		Xã Phúc Tiến	Xã Phúc Tiến	01/04/1961	01/11/1964	C268 Công Trường 426	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
15	Vũ Hồng Phan	1938		Xã Phúc Tiến	Xã Phúc Tiến	17/02/1965	30/09/1969	C311.CT.112 Lai Châu	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
16	Đặng Đức Thuận	1945		Xã Quang Lãng	Xã Quang Lãng	15/01/1968	15/02/1972	735 đội 73 P31	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
17	Đào Văn Trị	1948		Xã Quang Lãng	Xã Quang Lãng	25/01/1968	15/02/1972	735 đội 73 P31	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
18	Nguyễn Thị Trong		1950	Xã Văn Nhân	Xã Thụy Phú	15/02/1968	30/12/1969	CT 12Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
19	Lê Thị Hoan		1950	Xã Hồng Thái	Xã Thụy Phú	12/01/1968	30/12/1969	CT 12Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
20	Lê Thị Huệ		1956	Xã Nam Phong	Xã Thụy Phú	15/02/1972	30/12/1974	C3225 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
21	Nguyễn Văn Hải	1957		Xã Thụy Phú	Xã Thụy Phú	15/02/1973	30/12/1974	C3225 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
22	Đỗ Văn Xuân	1953		Xã Thụy Phú	Xã Thụy Phú	15/02/1972	30/2/1975	C331 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
23	Đỗ Đình Đạt	1949		Xã Thụy Phú	Xã Thụy Phú	20/04/1972	30/10/1973	CT20 Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
24	Lê Thị Trịnh		1947	Xã Thụy Phú	Xã Thụy Phú	16/01/1966	30/12/1967	CT 12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
25	Nguyễn Thị Bộ		1957	Xã Thụy Phú	Xã Thụy Phú	15/01/1974	Dec-75	C331 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
26	Hoàng Thị Hồng		1953	Xã Thụy Phú	Xã Văn Nhân	15/02/1970	30/12/1972	C3225 Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
27	Nguyễn Đình Soát	1953		Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	01/01/1972	30/04/1975	C331 Hà Tây	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
28	Nguyễn Thị Hoa		1948	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	01/01/1971	01/06/1974	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
29	Nguyễn Thị Bằng		1947	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	01/01/1971	01/06/1974	Đội N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
30	Nguyễn Văn Trung	1929		Xã Phượng Dực	Xã Phượng Dực	20/02/1955	30/12/1958	T305 Đường sắt VN	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Bảy mươi năm triệu đồng chẵn***											**75.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN HOÀN KIẾM
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Lê Xuân Sơn	1932		Đông Sơn, Đông Vinh, Thanh Hóa	03 Hàng Khay, Tràng Tiền	T10/1953	Năm 1958	Đội 34 - C302	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
2	Phạm Văn Ngọc	1942		Phú Xuyên, Hà Nội	18 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh	17/7/1971	26/2/1973	C1-CT-71B	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
3	Đỗ Thị Bé		1948	Tiên Du, Bắc Ninh	157 Bạch Đằng	24/8/1964	T11/1967	Thủy điện Thác Bà	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000đ
4	Lê Thị Tuyết Nga		1955	Khoái Châu, Kim Động, Hưng Yên	P110 - 7A, Ngõ 97 Vọng Hà	02/07/1972	30/12/1974	Cảng Hà Nội - N51	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
5	Cao Thị Lê		1950	Hoằng Minh, Hưng Hà, Thái Bình	Số 38 Chương Dương, Phường Chương Dương	T01/1966	T12/1969	114-C151 Bắc Thái	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
6	Nguyễn Thị Thóc		1943	Đan Phượng, Hà Nội	411 Bạch Đằng, Phường Chương Dương	28/9/1964	T3/1970	CT 114-C117	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
7	Nghiêm Tiến Vũ	1944		82 Cầu Gỗ, Hàng Bạc	Số 911 Hồng Hà, Phường Chương Dương	26/2/1963	08/10/1968	Đ1 C8 Yên Bái - Lào Cai	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
8	Phan Văn Cương	1943		Thanh Oai, Hà Nội	Số 16 ngách 39/105 Vọng Hà, Phường Chương Dương	17/7/1971	25/2/1973	A4 C4 N71	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

9	Vũ Thị Hóa		1953	Hoàng Quang, Hoàng Hóa, Thanh Hóa	Số 18 Ngô Quyền, Tràng Tiền, HN	01/08/1972	11/05/1973	N 265	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
10	Nguyễn Quy Nhơn	1933		Kiến Xương, Thái Bình	14 Hàng Đào	T11/1952	T3/1956	261+277 Đội 38	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
11	Đỗ Thị Xuân		1945	Ninh Bình	264 Cầu Đất, Phường Chương Dương	09/11/1964	T12/1968	C9 đoàn 206	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
12	Trần Thị Phương Thảo		1946	Lạng Sơn	Số 16/533 Bạch Đằng, Phường Chương Dương	17/10/1963	20/2/1975	Nông trường Vân Lĩnh Phú Thọ	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
13	Nguyễn Thị Dục		1946	Thái Bình	Số 11/160 Bạch Đằng, Chương Dương	14/4/1965	11/07/1966	Thủy điện Thác Bà	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
14	Quách Thị Thú		1950	Đông Hưng, Thái Bình	Số 10, ngõ 188 Bạch Đằng	T4/1968	T3/1969	CM 67 UP Thái Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
15	Nguyễn Thị Sửu		1925	Duyên Hà, Thái Bình	44 Hai Bà Trưng, Tràng Tiền	Năm 1955	Năm 1959	T31 TNXP Thủ Đô	Xác nhận của UBND cấp xã	chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**37.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Tạ Quang Tuấn	1952		Bùi Thị Xuân - Hai Bà Trưng	Số 3 ngõ 199 phố Lò Đúc, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	14/4/1970	4/1972	N49	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Đặng Thị Gái		1948	Phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Số 30 ngách 216/11 Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	09/11/1964	11/1968	C9 - 13C	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Phạm Quang Doanh	1944		Phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	155 Đại La, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	8/1972	12/1975	Tổng đội TNXP xây dựng Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Vũ Thế Mậu	1949		Thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	1C Thúy Ái 2, tổ 9, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	06/02/1965	30/12/1967	C332-N25-Ban 67	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Hoàng Văn Thu	1957		Phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	Số 11 ngách 105/31 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	16/8/1972	20/12/1974	273	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
6	Nguyễn Đình Chiến	1956		Phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	77A2 tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	06/3/1973	12/1974	71C Đoàn 71 Hà Nội	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
7	Nguyễn Văn Tân	1942		Phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Số 341 Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	17/7/1965	28/6/1969	N43	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
8	Vũ Thị Vân		1949	thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	P419 A1 tổ 9A, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	01/1963	01/10/1967	C375; N73	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
9	Dương Quang Bình	1956		phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	P17 C4B tổ 2B, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	04/7/1972	30/12/1974	N263	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
10	Hà Đình Lại	1948		phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	55 tổ 16, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	06/3/1973	01/10/1974	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
11	Nguyễn Khả Côi	1949		phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Số 17 tổ 1 ngõ 325, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	17/7/1971	16/02/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
12	Nguyễn Ngọc Cường	1952		phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	52 tổ 10, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	17/7/1971	02/1973	N72	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Ba mươi triệu đồng chẵn***											**30.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN HOÀI ĐỨC
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Thị Nhuẫn		1950	Vân Côn - Hoài Đức	Vân Côn - Hoài Đức	3/1966	9/1969	Đường sắt Thái Nguyên	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Nguyễn Ngọc Điển	1945		Đức Giang - Hoài Đức	Đức Giang - Hoài Đức	12/1963	1965	Tháng 8 Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Đặng Thị Thuộc		1937	Đức Giang - Hoài Đức	Đức Giang - Hoài Đức	03/3/1955	10/12/1959	Đường sắt	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Phạm Thị Yến		1946	Vân Canh - Hoài Đức	Vân Canh - Hoài Đức	9/1968	7/1972	Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Lê Thị Đoan		1948	Thị xã Chí Linh - Hải Dương	Tiền Yên -Hoài Đức	02/1969	12/1970	Quân khu Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**12.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN ĐỐNG ĐA
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Văn Loan	1924		Nam Định	Phương Liên - Đống Đa	9/1952	4/1954	Tô Hiệu	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Vũ Thị Vụ		1956	Thanh Hóa	Khương Thượng - Đống Đa	10/1972	12/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Năm triệu đồng chẵn***											**5.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN MÊ LINH
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Văn Tề	1955		Tam Đồng - Mê Linh	Tam Đồng - Mê Linh	01/12/1972	30/4/1975	Khu kinh tế Thanh niên	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**2.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN TÂY HỒ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Lê Doãn Thảo	1939		Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	05/12/1963	12/1965	Ty Giao thông Phú Thọ	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Phạm Thị Len		1954	Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ	Hoàng Hoa Thám - Tây Hồ	02/1971	10/1974	Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Đinh Thị Nga		1944	Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	05/3/1964	10/1965	Tháng 8 Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Nguyễn Thị Yên		1944	Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	05/3/1964	10/1969	Tháng 8 Thủ đô	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Đào Thị Lan		1933	Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	17/5/1955	20/10/1958	T31	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
6	Nguyễn Thị Lan		1944	Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	25/4/1965	20/7/2071	N57	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
7	Nguyễn Thị Nhẫn		1939	Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	13/8/1955	08/01/1957	C44	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
8	Nguyễn Thế Lập	1945		Bưởi - Tây Hồ	Bưởi - Tây Hồ	26/11/1965	10/1968	Địa chất Uông Bí	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
9	Vương Thị Nguyệt		1943	Quảng An - Tây Hồ	Quảng An - Tây Hồ	03/02/1964	10/9/1967	CT Yên Bái	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**22.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA QUẬN THANH XUÂN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Trần Thị Minh		1955	Thượng Đình - Thanh Xuân	Thượng Đình - Thanh Xuân	'09/4/1972	20/12/1974	N53	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**2.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN QUỐC OAI
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Thị Toan		1954	Đại Thành - Quốc Oai	Sài Sơn - Quốc Oai	4/1967	7/1969	C103	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Nguyễn Khắc Long	1956		Ngọc Mỹ - Quốc Oai	Ngọc Mỹ - Quốc Oai	01/1974	01/1976	N255	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Nguyễn Văn Dưỡng	1955		Sài Sơn - Quốc Oai	Sài Sơn - Quốc Oai	12/1972	12/1975	N303	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**7.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN THANH OAI
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Trần Thị Dần		1949	Cao Dương - Thanh Oai	Cao Dương - Thanh Oai	16/4/1969	10/11/1971	N73	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Bùi Thị Oanh		1949	Cao Dương - Thanh Oai	Cao Dương - Thanh Oai	16/4/1969	10/11/1971	N73	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Nguyễn Thị Ngói		1945	Cao Dương - Thanh Oai	Cao Dương - Thanh Oai	16/4/1969	10/11/1971	N73	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**7.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN MỸ ĐỨC
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Thị Be		1937	Tuy Lai - Mỹ Đức	Tuy Lai - Mỹ Đức	02/1957	10/1959	T305	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Phùng Thị Rà		1939	Tuy Lai - Mỹ Đức	Tuy Lai - Mỹ Đức	02/1957	10/1959	T305	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Bùi Thị Phong		1951	Đốc Tín - Mỹ Đức	Đốc Tín - Mỹ Đức	6/1971	6/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Nguyễn Thị Đắc		1952	Lê Thanh - Mỹ Đức	Lê Thanh - Mỹ Đức	5/1971	01/1974	Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Mười triệu đồng chẵn***											**10.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN THƯỜNG TÍN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Vũ Thị Móc		1948	Minh Cường - Thường Tín	Minh Cường - Thường Tín	1965	1970	Cục Vận tải đường sông	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Tạ Thị Máng		1950	Nam Triều - Phú Xuyên	Minh Cường - Thường Tín	01/1972	12/1973	C3 225	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Trần Thị Lợi		1948	Minh Cường - Thường Tín	Minh Cường - Thường Tín	02/1968	12/1969	12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Nguyễn Văn Tân	1957		Vạn Điểm - Thường Tín	Vạn Điểm - Thường Tín	11/1973	12/1975	12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Nguyễn Hữu Trung	1954		Vạn Điểm - Thường Tín	Vạn Điểm - Thường Tín	10/1973	12/1974	12B Hòa Bình	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn***											**12.500.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Văn Bình	1953		Hồng Hà - Đan phượng	Hồng Hà - Đan phượng	01/4/1971	15/10/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Vương Văn Đủ	1947		Phương Đình - Đan Phượng	Phương Đình - Đan Phượng	1968	1971	Đoàn 559	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Năm triệu đồng chẵn***											**5.000.000**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỰU TNXP ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP 1 LẦN CỦA HUYỆN GIA LÂM
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg NGÀY 27/7/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số 644 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đợt 19

STT	Họ và tên	Năm sinh		Hộ khẩu thường trú khi tham gia TNXP	Hộ khẩu thường trú hiện nay	Ngày tham gia TNXP	Ngày trở về địa phương	Đơn vị tham gia TNXP	Giấy tờ (chứng minh là TNXP, thời gian tham gia)	Chế độ chính sách đã được hưởng	Số tiền được hưởng (VNĐ)
		Nam	Nữ								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Nguyễn Thị Nhung		1937	Yên Thường - Gia Lâm	Yên Thường - Gia Lâm	3/1960	11/1964	Gang thép Thái Nguyên	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
2	Nguyễn Văn Thùy	1946		Yên Thường - Gia Lâm	Yên Thường - Gia Lâm	17/7/1971	3/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
3	Nguyễn Khắc Thảo	1948		Đông Dư - Gia Lâm	Đông Dư - Gia Lâm	17/7/1971	3/1973	N71	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
4	Nguyễn Văn Diện	1948		Đông Dư - Gia Lâm	Đông Dư - Gia Lâm	14/4/1966	21/10/1967	C492	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
5	Nguyễn Thị Tiễm		1950	Kim Sơn - Gia Lâm	Kim Sơn - Gia Lâm	4/1965	12/1965	Thủy điện Thác Bà	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
6	Dương Thị Thơm		1952	Đa Tốn - Gia Lâm	Đa Tốn - Gia Lâm	4/1971	12/1973	C217	Xác nhận của UBND cấp xã	Chưa	2.500.000
Tổng số tiền bằng chữ: ***Mười năm triệu đồng chẵn***											**15.000.000**

LuatVietnam
vanluat.vn